

CHỦ ĐỀ NGŨ VĂN BẮC GIANG



Lũy tre làng Sáu, xã Liên Chung, huyện Tân Yên

Bài 1. KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIẾT BẮC GIANG

Bài học này giúp em:

- Xác định được một số nét khái quát về văn học viết Bắc Giang: các giai đoạn phát triển, một số đặc điểm cơ bản, một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu ứng với mỗi giai đoạn.
- Biết sưu tầm, chọn lọc, sắp xếp, đánh giá các tác phẩm văn học viết Bắc Giang.
- Yêu quý, trân trọng, tự hào và phát huy giá trị của văn học viết Bắc Giang.

Khởi động:

Cảm nhận về Bắc Giang, trong bài thơ *Phố trung du*, nhà thơ Trần Việt Kinh (Thừa Thiên - Huế) đã viết:

*Ta nhớ sao những con đường phố cũ
Nơi ngôi nhà mở cửa hướng bờ sông
Nhà văn già bên bàn khuya ngồi viết
Ánh đèn đêm cũng đủ ấm lòng.*

*Xin một lần trở lại phố Trung du
Nơi lúng liếng đôi mắt người Kinh Bắc
Nơi ta gặp những “sĩ phu Bắc Hà” thú thiệt
Trọng văn chương và thương mến bạn bè.*

Với tấm lòng *trọng văn chương và thương mến bạn bè*, người Bắc Giang đã tạo nên một di sản văn học đặc sắc của riêng mình từ văn học dân gian đến văn học viết. Hãy chia sẻ với bạn bè, thầy cô những hiểu biết của bản thân về văn học viết Bắc Giang.



Hội làng quan họ cổ Sen Hồ, huyện Việt Yên

I. Văn bản:

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIẾT BẮC GIANG

I. Văn học Bắc Giang từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX

Văn học viết Bắc Giang từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX hình thành và phát triển cùng với quá trình xác lập vùng văn học Kinh Bắc và nền văn học dân tộc. Gắn bó với xứ Bắc - chủ yếu là vùng Bắc Ninh cũ - song văn học xứ Kinh Bắc Thượng - Bắc Giang vẫn có bề dày truyền thống và những đóng góp sáng giá riêng.

Văn học viết Bắc Giang không hình thành trung tâm lớn, không nhiều những tác giả xếp loại quốc gia. Do địa hình trung du và dân cư phân bố không đều nên các tác giả văn học chủ yếu tập trung theo các sở lý, huyện trấn và theo truyền thống một số dòng họ tiêu biểu. Số lượng các tác giả và tác phẩm cũng tập trung đậm đặc ở một số huyện đông dân như Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang), Yên Dũng, Lạng Giang và giảm dần về phía các huyện miền núi. Mặt khác, nền văn học Bắc Giang còn được bồi đắp bởi nhiều sáng tác của các tác giả thuộc nhiều vùng quê khác. Họ mến mộ, đồng cảm với con người và cảnh vật của miền đất “địa linh nhân kiệt” nên đã để lại nhiều tác phẩm thơ văn sáng giá. Đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể như thế mới thấy rõ những nỗ lực và đóng góp của các thế hệ cha ông suốt chiều dài mười thế kỉ trong việc xây dựng nên truyền thống văn học Bắc Giang nói riêng và nền văn học dân tộc nói chung.

Trải qua mười thế kỉ, nền văn học Bắc Giang đã từng bước định hình, phát triển và in đậm những đặc điểm riêng. Từ một miền đất trung du, dân cư thưa vắng, dần dần đã hình thành một số điểm văn hóa ở mức độ gia tộc, làng, thôn, tổng. Trên cơ sở đó phát khởi những người đỗ đạt ít nhiều có sáng tác, có đóng góp rõ nét cho vùng văn học địa phương cũng như cho cả nước. Qua thời gian, các bậc vua chúa, quan lại, tăng sĩ, danh

sĩ... ngày càng quan tâm đến việc phản ánh cảnh vật, con người và cuộc sống miền núi Bắc Giang. Đồng thời con người Bắc Giang cũng từng bước tham gia, từng bước nhập cuộc vào quỹ đạo văn học dân tộc. Về cơ bản, thành tựu nền văn học viết Bắc Giang qua thời trung đại còn khá mỏng, khiêm tốn so với nhiều vùng quê khác song lại in đậm đặc điểm Bắc Giang và cả xu thế vận động theo quá trình phát triển của văn học dân tộc qua từng giai đoạn cụ thể. Đặc biệt, khi đặt các hiện tượng tác giả, tác phẩm trong tương quan văn hóa - văn học (gắn với khoa bảng, quan chức, di sản văn khắc Hán Nôm và các di tích lịch sử, đình, đền, chùa...) thì người Bắc Giang vẫn có quyền tự hào chính đáng trước những nỗ lực của bao thế hệ cha ông đã góp công xây dựng, bảo tồn một nền văn học in đậm truyền thống và sắc thái trung du kéo dài suốt mười thế kỉ.

Về cơ bản, văn học Bắc Giang thời kì này có thể chia thành hai giai đoạn lớn: thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV và từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX.

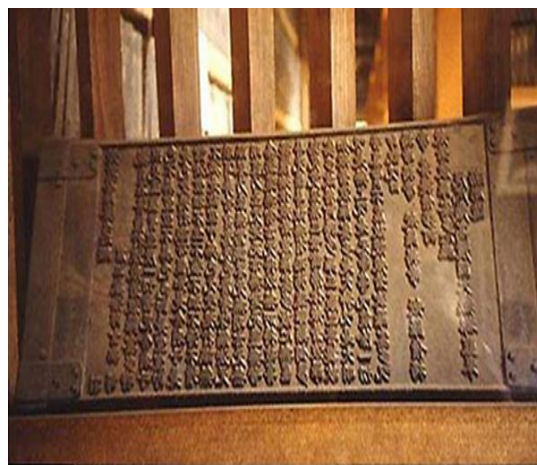
1. Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV

Trong giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV, Bắc Giang không có những tác giả văn học nổi trội song lại có những đóng góp quan trọng, đặc biệt rõ nét với công việc sưu tập thơ văn, biên soạn tiểu sử danh nhân, thiền sư và góp phần mở mang dòng văn học Phật giáo.

Đóng góp quan trọng của văn học Bắc Giang giai đoạn này là gì?

Vào khoảng cuối triều Lý (thế kỉ XII - XIII), tại vùng Na Ngạn (nay thuộc địa phận các huyện Lục Nam, Lục Ngạn) xuất hiện Đại sư Ân Không (người đương thời thường gọi là Đại Sư Na Ngạn). Ông là người nối tiếp các thiền sư Thông Biện - Biện Tài - Thường Chiếu - Thần Nghi đã hoàn tất việc biên soạn tác phẩm *Thiền uyển tập anh*. Đây là bộ sách có giá trị bậc nhất trong việc tàng trữ di sản văn học dân tộc từ khoảng cuối vương triều Lý (1225) trở về trước (hiện đã được phiên dịch, khảo sát bằng các thứ tiếng Anh, Nga, Pháp và được nhiều nhà Việt học trên thế giới quan tâm tìm hiểu). Hiện chưa rõ Đại sư Ân Không sinh và mất năm nào, quê ở đâu và trụ trì chùa nào. Riêng sách *Thiền uyển tập anh* thì chép cụ thể: “Ngày 18 tháng 2 năm Bính Tí (1216), sư Thần Nghi đem tập phả đồ của Thường Chiếu trao cho mình truyền lại cho đệ tử là Ân Không, dặn rằng: “Bây giờ đang loạn lạc, người hãy giữ sách này cẩn thận, chớ để binh hỏa hủy hoại thì tỏ phong ta mới không bị mai một”. Nói xong sư qua đời.

Bước sang thời Trần, hòa nhịp trong trào lưu Phật giáo Đại Việt phát triển lên một tầm cao mới với việc trí thức hóa, bản địa hóa Phật giáo và định hình dòng thiền Trúc Lâm - Yên Tử in đậm sắc thái văn hóa dân tộc, thì tại Bắc Giang cũng xuất hiện một trung tâm Phật giáo lớn: chùa Vĩnh Nghiêm, còn gọi là chùa Đức La (nay thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng). Cả ba vị “Trúc Lâm tam tổ” là Trần Nhân Tông (1258 - 1306), Pháp Loa Đồng Kiên Cương (1284 - 1330), Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254 - 1335) đều đã từng qua nơi đây thuyết pháp, giảng đạo.



Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng

Thời kì này, tại làng Song Khê (nay thuộc xã Song Khê, huyện Yên Dũng) có Đào Sư Tích (1347 - 1396) là con tiên sĩ Đào Toàn Mân, từng làm quan ở Thiên Trường, Nam

Định. Ông thi Hương đỗ đầu, thi Hội và thi Đình khoa Giáp Dần, niên hiệu Long Khánh thứ hai (1374) đỗ Trạng Nguyên, làm quan đến chức Nhập nội hành khiển. Ông đã được vua Trần Nghệ Tông giao chỉ đạo và đề tựa sách *Bảo hòa điện dư bút*, 8 quyển, ghi chép những việc xưa để răn dạy các vua trẻ và con cháu hoàng tộc. Sáng tác thơ ca của ông có nhiều nhưng nay chỉ còn bài văn sách thi Đình và bài *Cảnh tinh phú* (Phú sao Cảnh). Một tên tuổi lớn khác là Đoàn Xuân Lôi (thế kỉ XIV), người Châu Lỗ (nay thuộc xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa). Ông thi Thái học sinh đỗ đầu khoa Giáp Tí, niên hiệu Xương Phù thứ tám (1384). Tác phẩm hiện còn bài *Diệp mã nhi phú* (Phú con ngựa lá) chép trong sách *Quần hiền phú tập*... Đối với một vùng quê trung du, ngày ấy lại chưa phát triển, những đóng góp như trên cũng là điều vô cùng đáng quý trong buổi đầu kiến tạo nền văn học quê hương và góp phần xây đắp nền văn học dân tộc.

2. Từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX

Văn học Bắc Giang từ thế kỉ XV gắn với cuộc kháng chiến chống quân Minh giành độc lập dân tộc và quá trình độc tôn Nho giáo, từng bước phát triển nhà nước phong kiến tập quyền.

Chú ý một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu ở mỗi chặng đường cụ thể.

Trong cuộc kháng chiến chống ách đô hộ của nhà Minh, miền đất Bắc Giang vừa là chiến địa vừa là địa danh đã đi vào sử sách. Gắn với loại hình văn chính luận, danh nhân văn hóa, anh hùng giải phóng dân tộc Nguyễn Trãi (1380 - 1442) đã hai lần viết *Thư dụ thành Xương Giang*, đồng thời những địa danh Lạng Giang - Xương Giang - Cần Trạm cũng vang lên trong bản hùng ca *Đại cáo bình Ngô* (Bình Ngô đại cáo) bất hủ:

Lạng Giang, Lạng Sơn, thầy chắt đầy đường,

Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước.

Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi,

Thảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ.

Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật,

Nghe Thăng thua ở Cần Trạm, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.

Địa danh Xương Giang đã đi vào lịch sử dân tộc không chỉ bằng chiến thắng lừng lẫy chống quân Minh của quân dân Đại Việt mà còn bằng *Xương Giang phú* (Phú Xương Giang) nổi tiếng của Lý Tử Tấn (1378 - 1457).

Tiếp theo đó là thời kì thái bình thịnh trị. Hoàng đế thi nhân Lê Thánh Tông (1442 - 1497) đã có hai bài thơ tứ tuyệt đề vịnh cảnh Xương Giang: *Trú Long Nhãn* (Nghỉ ở Long Nhãn) và *Trú Xương Giang* (Nghỉ ở Xương Giang). Đương thời, danh sĩ Bắc Giang là Thân Nhân Trung (? - 1499) người làng Yên Ninh (nay thuộc xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên) và người cùng làng là Ngô Văn Cảnh (1443 - ?) đã có tên trong danh sách 28 thành viên hội Tao đàn do Lê Thánh Tông thành lập. Trong đó, riêng Thân Nhân Trung được phong Tao Đàn phó nguyên súy, người từng tham gia soạn sách *Thiên nam dư hạ tập*, sáng tác tới 24 bài thơ,



Tượng thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung tại

5 bài văn và một số đoạn văn bình luận. Ông nổi tiếng với câu nói “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” trong *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba* (Đại bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh bi kí).

Những thế kỉ sau đó, Bắc Giang tiếp tục có nhiều người đỗ đạt cao như Giáp Hải (1507 - 1586), Hoàng Sâm (1512 - ?), Giáp Lễ (1545 - 1574), Lê Trung, Đỗ Đồng Dân, Ngô Trang, Ngô Ưông (thế kỉ XVI), ... Trong số đó nổi bật có Trạng nguyên Giáp Hải còn để lại *Tuy bang tập* (còn gọi là *ứng đáp bang giao*, tuyền in trong *Cổ kim bang giao bị lãm*) cùng một số bài biểu tạ ơn, bi minh, thơ chữ Hán và bài thơ Nôm *Cao lâu tỳ bà*. Thơ phần lớn là vịnh sử hoặc xướng họa với bạn hữu, trong đó có bài xướng họa với Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585) tương truyền là thầy học của ông. Lại có người ở vùng quê khác như Lê Quang Bí (1504 - 1566) khi làm quan cũng có thơ liên quan đến Bắc Giang với bài *Lạng Giang lộ Tả giang An phủ Phó sứ, thứ trai Lê Thai công, húy Nhữ Du* (Lĩnh chức An phủ Phó sứ Tả giang thuộc lộ Lạng Giang, thứ trai Lê Thai công, húy Nhữ Du). Thêm nữa, có người như Giáp Hải sau này được tác giả khuyết danh viết thành truyện trong sách *Thích văn dị lục*, được Vũ Xuân Tiên viết trong sách *Nam thiên trân dị tập*, được Vũ Phương Đề và Trần Quý Nha viết ở cả hai bộ sách *Công dư tiếp kí tiền biên* và *Công dư tiếp kí tục biên*; còn Hoàng Sâm được Nguyễn Án viết thành truyện trong sách *Tang thương ngẫu lục*...

Từ nửa cuối thế kỉ XVIII, trào lưu nhân văn và xu thế phục hưng văn hóa dân tộc diễn ra mạnh mẽ. Làn sóng ấy lan truyền mạnh trong đời sống tinh thần người dân vùng Kinh Bắc và tác động tích cực đến diện mạo văn học miền trung du Bắc Giang. Số lượng nghĩa quân chống lại triều đình tăng lên đáng kể trong khi những người đỗ đạt giảm hẳn. Diện mạo văn học đổi thay in dấu ấn những đặc điểm phù hợp với hiện trạng đời sống kinh tế, văn hóa miền bán sơn địa đang từng bước được khai phá, mở rộng và ngày càng được biết đến nhiều hơn. Trong quá trình giao lưu giữa các vùng, có những danh nhân văn hóa lớn của đất nước như Lê Quý Đôn (1726 - 1784) đã viết một bài thơ theo thể Đường thi thất ngôn bát cú về Bắc Giang: *Độ Xương Giang* (Qua bến Xương Giang) và đặc biệt bài thơ trường thiên *Trấn doanh kì vũ* (Cầu mưa ở dinh trấn thủ) đã thể hiện sắc nét cuộc sống lao động vất vả của người dân nơi đây giữa kì hạn hán: *Bắc Giang sĩ nữ diện lê hắc, Cát cao chung nhật vô hưu tức!*... (Trai gái Bắc Giang mặt đen xạm, Cái gù suốt ngày không nghỉ tạm...)

Khoảng một thế kỉ sau, nhà thơ yêu nước Nguyễn Cao (1837 - 1887) cũng thả hồn cùng vẻ đẹp Lục Nam với bài thơ *Trùng du tuyết sơn đặng Bảo Đài* (Lại dạo chơi núi Tuyết trèo lên Bảo Đài) và đề thơ tặng nhà sư ở ngôi chùa cổ vốn nổi tiếng cả nước: *Tặng Vĩnh Nghiêm tự tăng* (Tặng nhà sư chùa Vĩnh Nghiêm)... Hướng về miền non cao Bắc Giang, Vũ Trinh (1759 - 1828) trong sách *Lan trì kiến văn lục* có ba truyện liên quan đến con người, cuộc sống và chuyện lạ diễn ra nơi đây. Truyện *Hầu* (Khi) kể về việc cô thôn nữ ở Na Ngạn bị lũ khỉ bắt giữ lại trong rừng, được đàn khỉ chăm lo chu đáo, mãi sau mới trốn thoát. Truyện *Hiệp hổ* (Con hổ hào hiệp) kể việc anh nông dân họ Hoàng đang tâm bỏ con vào rừng nhưng may được hổ cứu thoát đưa về tận nhà. Truyện *Hùng hổ đấu* (Gấu hổ chọi nhau) gần với kiểu ngụ ngôn kể về việc anh đốn củi họ Nguyễn ở Lục Ngạn có dịp chứng kiến hai con gấu và hổ chỉ vì hiểu lầm mà đánh nhau đến chết. Những truyện này cho thấy hình ảnh con người và cuộc sống nơi đây đã được phản ánh trong sáng tác và phần nào in rõ dấu ấn trào lưu nhân văn trong cảm quan hướng về thiên nhiên và cuộc sống đời thường.

Với ảnh hưởng trào lưu nhân văn, trong khi có những danh nhân thuộc nhiều thế kỉ trước như Giáp Hải, Hoàng Sâm được thể hiện như là đối tượng nhân vật của các tập truyện kí đương thời thì chính lúc này lại có thêm nhiều người Bắc Giang có điều kiện mở rộng giao lưu, làm quan trong triều và tiếp tục trở thành nhân vật văn học. Điển hình là trường hợp Hoàng Ngũ Phúc (1713 - 1766) quê thôn Phụng Pháp (nay thuộc xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng), còn có tên Hoàng Đình Việp (Quận Việp). Sau này ông được Nguyễn Án chép thành truyện trong tập truyện kí *Tang thương ngẫu lục* nổi tiếng. Ngoài ra, ông còn trở thành một nhân vật đáng chú ý trong bộ tiểu thuyết chương hồi *Hoàng lê nhất thống chí*, bộ tiểu thuyết xuất sắc trong nền văn học trung đại dân tộc.

Nhìn nhận trên cả phương diện danh sĩ nơi khác quan tâm thể hiện hình ảnh con người, cuộc sống và thiên nhiên Bắc Giang cũng như chính con người Bắc Giang đã giao lưu, hội nhập vào xã hội ở tầm triều đình, quốc gia và trở thành nguyên mẫu nhân vật cho sáng tác, có thể nói vị thế miền quê trung du Bắc Giang đã được biết đến nhiều hơn trong văn học.

II. Văn học Bắc Giang từ nửa cuối thế kỉ XIX đến nay

Bao quát quá trình văn học suốt từ nửa cuối thế kỉ XIX đến nay của một tỉnh tức là bao quát chặng đường hơn một thế kỉ rưỡi. Đây là một hành trình tương đối dài. Để tiện hình dung, có thể chia văn học viết Bắc Giang thời kì này thành 4 giai đoạn: từ nửa cuối thế kỉ XIX đến 1930, từ 1930 đến 1945, từ 1945 đến 1975 và từ sau 1975 đến nay.

1. Từ nửa cuối thế kỉ XIX đến 1930

Do công tác sưu tầm và công bố chưa hoàn thành nên các thành tựu của văn học viết Bắc Giang giai đoạn này khá khiêm tốn. Tuy vậy, vẫn có thể kể đến một số tác giả tiêu biểu.

Chú ý đóng góp của mỗi tác giả.

Nguyễn Đình Tuân (1867 - 1941), người làng Châu Lỗ, tổng Mai Đình (nay thuộc xã Mai Đình, Hiệp Hòa), tác giả cuốn *Đại Nam quốc sử cải lương* khá đồ sộ gồm 800 trang bằng chữ Hán ghi lại lịch sử nước ta từ thời Hồng Bàng đến cuối thế kỉ XIX. Ngoài ra, vẫn còn lưu lại được vài bài thơ, câu đối chữ Hán của ông. Thơ ông bày tỏ lòng hiếu nghĩa của người con đất Việt đối với giang sơn, tình yêu và lòng gắn bó với truyền thống quê hương, trong đó thể hiện vẻ đẹp lịch sử, văn hóa của mảnh đất Bắc Giang: *Thiên thu hoàn tụ xứ - Trường thử úy quân cao* (Ngàn năm miền hội tụ - Vạn nghiệp thuở anh hào).

Nguyễn Khắc Nhu (1882 - 1930), người làng Song Khê, huyện Yên Dũng, sớm được tiếp xúc với những nhà chí sĩ cách mạng nổi tiếng thời bấy giờ nên sớm hun đúc được lòng yêu nước, ý chí căm thù thực dân Pháp. Khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế thất bại, ông mở lớp dạy học, âm thầm lựa chọn người có chí, có tài để gây dựng phong trào cách mạng. Thời gian này ông sáng tác thơ để kí thác tâm sự, thơ ông nặng tình với nước non, thể hiện sự căm thù thực dân Pháp, châm biếm đả kích lũ quan tham.

Nữ sĩ Trương Phổ (1900 - 1973), người làng Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn. Bà làm thơ từ năm 16 tuổi, tuy chưa thoát khỏi bút pháp thơ ca trung đại nhưng đã nghiêng về bộc lộ tâm tình cá nhân. Nhắc đến nữ sĩ, người ta nhắc đến tác giả của bài thơ nổi tiếng *Giọt lệ thu*. Cùng với thơ của Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải, thơ Trương Phổ là những nốt nhạc dạo đầu cho sự xuất hiện của một thời đại thơ ca rực rỡ xuất hiện ít năm sau đó: phong trào Thơ mới.

Người em song sinh của Tương Phố cũng khá nổi tiếng đương thời qua giai thoại về rau sắng chùa Hương với thi sĩ Tản Đà. Bà tên thật là Đỗ Thị Quế, yêu thơ và thích làm thơ, qua bài thơ và câu chuyện tặng rau sắng cho thi sĩ Tản Đà mà được mệnh danh là nữ sĩ đương thời.

2. Từ 1930 đến 1945

Là giai đoạn phát triển chưa từng có trong lịch sử văn học Việt Nam với sự xuất hiện đông đảo của đội ngũ sáng tác và sự ra đời phong phú cả về số lượng và thể loại tác phẩm. Đặc biệt là sự phát triển mang tính hiện đại của tư tưởng văn học đã khiến văn học Việt Nam hoàn tất một cuộc cách mạng sôi nổi trong vòng 15 năm. Hòa chung trong sự vận động đó, Bắc Giang đã đóng góp một số gương mặt tiêu biểu: Anh Thơ, Bàn Bá Lân, Lê Văn Trương, Bùi Huy Phồn, Anh Hoàng...

Thơ ca Bắc Giang giai đoạn này có những đóng góp nổi trội hơn so với văn xuôi. Bàn Bá Lân (1912 - 1989) bước vào thi đàn Việt Nam từ năm 20 tuổi với tập thơ *Tiếng thông reo*. Năm 1941, ông in chung với Anh Thơ tập *Xưa*. Thơ ông thường đi vào những khung cảnh làng quê thân thuộc, bình yên, với những gam màu tươi sáng, những âm thanh trong trẻo, tươi vui. Thơ ông lưu giữ cho hậu thế những bức tranh làng quê Bắc Bộ tươi đẹp, thanh bình - những bức tranh thơ được khơi nguồn từ cảm xúc của một hồn thơ đắm thắm, thân thiết với cảnh và người của quê hương Bắc Giang. Anh Thơ (1921 - 2005) có thơ đăng rất sớm trên các báo. Năm 1941, nữ sĩ cho xuất bản tập *Bức tranh quê*, và in chung với Bàn Bá Lân tập *Xưa*. Anh Thơ tập trung sáng tác của mình vào các bức tranh quê với những chất liệu đời thường, gần gũi, quen thuộc với bút pháp tài hoa, tinh tế. Ngoài ra, còn có một số nhà thơ khác như Nguyễn Giang, Xích Điều...

Văn xuôi Bắc Giang giai đoạn này tuy khiêm tốn hơn thơ nhưng cũng không thể không nhắc đến tên tuổi của cây bút văn xuôi nổi tiếng một thời: Lê Văn Trương. Lê Văn Trương (1906 - 1964) nổi tiếng về số lượng tác phẩm (tính từ khi ông cầm bút đến khi ông mất là 125 tác phẩm, trong đó 96 cuốn đã in, phần lớn được viết trước 1945) cũng nổi tiếng về tiểu thuyết ăn khách đương thời. Văn ông tập trung vào miêu tả

So sánh thành tựu về thơ và văn xuôi giai đoạn này.

những con người phiêu lưu trong xã hội, những con người mầu mịch trong các quan hệ gia đình và những người xấu xa trong tầng lớp thượng lưu trường giả... Ngoài ra, còn có Bùi Huy Phồn với những tiểu thuyết giàu giá trị hiện thực về giai cấp tư sản; Anh Hoàng với khá nhiều truyện ngắn đăng trên các báo, tạp chí... Hoặc có thể kể đến Nguyên Hồng, Hoàng Cầm là hai tác giả lớn của văn học Việt Nam nhưng có nhiều duyên nợ với đất Bắc Giang và có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của văn học Bắc Giang.

3. Từ 1945 đến 1975

Từ năm 1945 đến năm 1954, cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mỗi nhà văn là một nghệ sĩ - chiến sĩ. Hội Văn học nghệ thuật Trung ương đã chọn Bắc Giang là một trong những địa điểm cho khá đông các văn nghệ sĩ tản cư về sinh sống, tham gia kháng chiến, sinh hoạt văn nghệ và sáng tác. Nơi đó là ấp Cầu Đen (nay thuộc xã Quang Tiến, huyện Tân Yên). Đã có những gương mặt nổi tiếng của nền văn nghệ Việt Nam về đây: Kim Lân, Đỗ Nhuận, Trần Văn Giàu, Trần Huy Liệu, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Tạ Thúc Bình, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi... Nhờ vậy, vùng đất Bắc Giang trong những năm kháng chiến chống Pháp, và

cả trong truyền thống lịch sử đã trở thành chất liệu, đề tài, nguồn cảm hứng cho các văn nghệ sĩ sáng tác.



Nhà Văn Nguyễn Hồng (thứ hai bên phải) cùng nhà văn Tiệp Khắc và gia đình
(Ảnh chụp năm 1971 tại Nhã Nam, Tân Yên)

Nét nổi bật nhất của văn học Bắc Giang trong những năm kháng chiến chống Pháp là văn thơ của các văn nghệ sĩ viết về vùng đất và con người kháng chiến Bắc Giang. Rất nhiều những địa danh gắn với khung cảnh sinh hoạt kháng chiến của bộ đội, cán bộ, nhân dân như: Cao Thượng, Nhã Nam, chợ Rừng Quanh, Na Nương, Yên Thế, Bó Hạ, Cẩm Sơn, sông Thương, sông Cầu... đã đi vào các tác phẩm thơ văn của các nghệ sĩ tên tuổi như Tố Hữu, Thôi Hữu, Nguyễn Đình Thi, Vân Đài, Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Trần Đăng, Kim Lân...

Chú ý nét nổi bật nhất của văn học Bắc Giang trong những năm kháng chiến chống Pháp.

Cuộc kháng chiến chống Mĩ bùng nổ, Bắc Giang cũng có một thế hệ các nhà văn, nhà thơ trưởng thành từ trong cuộc kháng chiến này. Có thể kể tên các gương mặt tiêu biểu: Lê Đạt, Bàn Sĩ Nguyên, Quách Đăng Khoa, Đỗ Vinh, Duy Phi, Ngô Đạt, Nguyễn Quang Hà, Đặng Tiến Huy, Trần Ninh Hồ, Anh Vũ, Phùng Khắc Bắc, Lê Quang Trang, Vương Tùng Cương, Tô Hoàn, Lê Bầu, Đỗ Nhật Minh, Đỗ Chu, Dương Quang Luân, Trịnh Đình Chiêu, Hà Quang Thiều, Đoàn Cảnh Mạnh, Nguyễn Đình Bưu, Nguyễn Xuân Cần, Trần Văn Lạng... Những trang viết thời thời này bên cạnh thể hiện vẻ đẹp của cảnh vật và con người Bắc Giang còn phản ánh cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu của nhân dân Việt Nam ở hai miền Nam Bắc. Trần Đình Vân và tác phẩm bất hủ *Sống như anh* (1965) đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước chống Mĩ của nhân dân ta, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đỗ Chu với các tập truyện ngắn thực sự chiếm được cảm tình của người đọc với cách nhìn, cách cảm đời sống nghiêng về chất thơ cùng lối văn trữ tình, trau chuốt và đẹp trong hình ảnh, câu chữ. Truyện ngắn của Đỗ Chu không chỉ góp phần động viên đồng bào, chiến sĩ trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, mà còn lưu giữ mãi những giá trị của tình người, tinh thần cao thượng, đức hy sinh và sức chịu đựng của cả dân tộc ở một khúc ngoặt lịch sử.

4. Từ sau 1975 đến nay

Văn học Bắc Giang giai đoạn này đặc biệt phát triển với một đội ngũ đông đảo các tác giả nhiều thế hệ, trong đó có nhiều gương mặt nổi tiếng góp phần làm nên diện mạo bề thế của văn học Bắc Giang và cũng góp phần vào diện mạo chung của văn học Việt Nam. Bên cạnh thế hệ các tác giả đã trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ như Lê Đạt, Bằng Sĩ Nguyên, Quách Đăng Khoa, Đỗ Vinh, Duy Phi, Ngô Đạt, Đặng Tiến Huy, Trần Ninh Hồ, Anh Vũ, Phùng Khắc Bắc, Lê Quang Trang, Tô Hoàn, Lê Bầu, Đỗ Nhật Minh, Đỗ Chu, Hà Quang Thiệu, Đoàn Cảnh Mạnh, Nguyễn Xuân Cầm, Trần Văn Lạng... còn có đội ngũ tác giả trưởng thành sau khi thống nhất đất nước như: Ngô Hà, Nguyễn Xuân Hồng, Đặng Vương Hưng, Đặng Bá Khanh, Tân Quảng, Võ Hoàng Nam, Nguyễn Hữu Sơn, Văn Giá, Nguyễn Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thu Hường, Vũ Khánh Linh...



Đoàn văn nghệ sĩ Bắc Giang đi thực tế sáng tác tại Hữu Nghị Quan, Lạng Sơn

Về thơ, vẫn có sự tiếp tục bền bỉ của các nhà thơ đã được khẳng định từ giai đoạn trước. Anh Thơ vẫn tiếp tục xuất bản các tập thơ và được bạn đọc yêu mến. Bằng Sĩ Nguyên là cây bút rất có duyên với cảnh và người miền núi. Lê Đạt đề cao cách biểu đạt ngôn từ thơ và không ngừng tìm tòi, đổi mới thơ ca. Phùng Khắc Bắc lặng lẽ, giàu suy tư, hình ảnh một vùng quê - miền đồi trung du Bắc Giang hiện lên trong dáng vẻ có phần nghèo khó, gợi nhiều thương cảm nhưng cũng thật kiêu hãnh, tài hoa. Trần Ninh Hồ dồi dào sáng tạo trải rộng nhiều đề tài như chiến tranh, đời thường, tuổi thơ, nghề văn, bạn văn..., thơ đậm chất suy tư, mang vẻ đẹp và chiều sâu văn hóa. Thơ Lê Quang Trang dung dị, gần gũi với con người, dễ tạo sự đồng cảm, sẻ chia. Thơ Anh Vũ mang những gam màu tươi sáng, sinh động, gần gũi với đồng quê. Thơ Duy Phi là tấm lòng yêu mến thiết tha văn hóa truyền thống của nhân loại. Thơ Đỗ Vinh gần bó thủy chung với vùng đất Yên Thế - vùng rừng núi âm vang hào khí lịch sử, nhân dân giản dị, cần cù và giàu nghĩa khí. Lục bát Đặng Vương Hưng nhuần nhị, biến hóa, giản dị mà đậm thắm... Và còn rất nhiều nhà thơ khác, mà thơ của họ dù viết về đề tài nào cũng hướng về sự sống và con người trên mảnh đất Bắc Giang này, phong vị quê hương thấm đẫm trong sáng tác của họ. Bắc Giang còn có một đội ngũ các nhà thơ trẻ, thơ họ mang chất sống trẻ trung, khỏe khoắn, hòa cùng nhịp sống, nhịp nghĩ của lớp người thời đại công nghệ thông tin, biết tự nguyện gắn bó và trách nhiệm với cuộc đời.

Chú ý đặc điểm riêng trong sáng tác của mỗi tác giả.

Về văn xuôi, cũng đã có một diện mạo văn xuôi Bắc Giang riêng biệt và rõ nét. Văn Đỗ Chu tiếp tục chiếm được cảm tình của người đọc với một phong cách văn xuôi đậm chất thơ, tinh tế, tài hoa. Lê Bầu được biết tới như một nhà văn có bản lĩnh, dám nhìn thẳng vào hiện thực, đặt ra và đào sâu vào các vấn đề về nhân cách con người với một bút pháp đậm đà, già dặn. Lê Đạt ngoài thơ ra cũng gây ấn tượng với văn xuôi

bằng cách viết thâm thúy, trau chuốt, nhiều thể nghiệm về câu chữ. Đỗ Nhật Minh là cây bút cả đời thâm canh trên địa hạt văn xuôi và gắn bó với vùng quê sông Thương yêu dấu. Văn Thành nặng về huyền ảo, luôn day dứt về nhiều điều đang xảy ra trong cuộc sống hôm nay. Quang Đại kết hợp giữa ảo và thực gây bất ngờ cho người đọc từ kết cấu đến nội dung. Nguyễn Thị Mai Phương khẳng định mình với một giọng văn riêng, khi đậm thắm, giàu chất thơ, khi tinh tảo trong cách nhìn cuộc sống, câu chữ mang vẻ đẹp giản dị nhưng già dặn trong bút pháp buộc người đọc phải suy ngẫm từ mỗi trang viết của mình. Nguyễn Thị Thu Hà lại nặng lòng với làng quê nông thôn, luôn trăn trở, da diết một nỗi niềm quê nhà, thể hiện vốn hiểu biết sâu sắc về địa lí, phong tục, văn hóa của vùng đất Bắc Giang. Ngoài ra, còn rất nhiều nhà văn khác, họ sinh sống và gắn bó với văn nghệ Bắc Giang, tuy mỗi người mỗi vẻ, phong cách khác nhau nhưng các tác phẩm của họ đã góp phần làm phong phú thêm cho văn học Bắc Giang.

Bắc Giang cũng có một đội ngũ hùng hậu những cây bút nghiên cứu phê bình văn học. Nghiên cứu văn học dân gian có Trần Linh Quý, Nguyễn Đình Bưu, Nguyễn Xuân Cầm, Trần Quốc Thịnh, Trần Văn Lạng, Khổng Đức Thiêm, Nguyễn Thu Minh, Ngô Văn Trụ... Nghiên cứu văn học trung đại có Nguyễn Hữu Sơn, Duy Phi, Trần Thái... Nghiên cứu văn học hiện đại có Lê Quang Trang, Văn Giá... Bên cạnh đó, phải kể đến những dịch giả có đóng góp đáng kể vào nền dịch thuật nước nhà như Nguyễn Vĩnh, Quang Chiến...

Có thể nói, thực sự có một nền văn học Bắc Giang xuyên suốt trường kì lịch sử dân tộc được làm nên bởi các cây bút nhiều thế hệ. Tuy không đông đảo về số lượng nhưng thời kì nào cũng có những tác giả sáng giá, những tác phẩm sáng giá góp phần quan trọng vào thành tựu chung của văn học dân tộc.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Văn học viết Bắc Giang phát triển qua những giai đoạn nào?
2. Trình bày một số đặc điểm cơ bản của văn học viết Bắc Giang từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX.
3. Dựa vào nội dung mục II, lập bảng tổng kết về tình hình phát triển văn học viết Bắc Giang từ cuối thế kỉ XIX đến nay theo bảng sau:

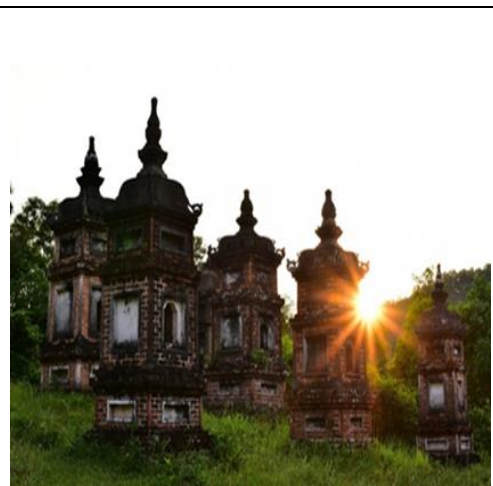
Giai đoạn văn học	Đặc điểm nổi bật	Thể loại/lĩnh vực thành công	Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

4. Nhận xét về đóng góp của văn học viết Bắc Giang đối với nền văn học dân tộc.

Em có biết

1. Từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX, Bắc Giang tuy không giàu có về tác phẩm văn chương nhưng Bắc Giang lại có nguồn di sản Hán Nôm hết	
---	--

sức phong phú, đến nay cơ bản đã được điều tra, kiểm định, hệ thống hóa với 11 cuốn gia phả các dòng họ lớn; 16 cuốn thuộc loại tài liệu ghi chép về lịch sử, văn hóa, các lệnh dụ, lệnh chỉ, chiếu chỉ, đại bạ, thần tích; trên 80 bộ ván in tại hai chùa Vĩnh Nghiêm (Yên Dũng) và Bồ Đà (Việt Yên); gần 200 tài liệu thư tịch Hán Nôm của đồng bào dân tộc Sán Chí, Cao Lan, Sán Diu (Lục Nam, Lục Ngạn, Yên Thế, Sơn Động); có 1298 đơn vị thạch bản bia, chuông, biển gỗ, cột đá, cột gỗ, cây hương; có tới trên 2500 đơn vị hoành phi, câu đối, cuốn thư, đại tự... Tất cả góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa – văn học Bắc Giang, khẳng định chiều sâu văn hóa của một vùng văn học đã cố gắng vượt lên hoàn cảnh gian khó để tự khẳng định mình.



Vườn tháp chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên

2. Bắc Giang vốn thuộc tỉnh Hà Bắc cũ. Năm 1997, tỉnh Hà Bắc tách thành hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh thì Hội văn học nghệ thuật Bắc Giang chính thức được thành lập. Đây là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu, phê bình, dịch thuật, biểu diễn bao gồm các chuyên ngành: Văn học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Kiến trúc, Sân khấu, Văn nghệ dân gian.... Tạp chí sông Thương là cơ quan ngôn luận của Hội Văn học nghệ thuật Bắc Giang. Từ khi thành lập, Hội đã có nhiều hoạt động tích cực, bám sát nhiệm vụ chính trị, văn hóa của tỉnh và mục tiêu về xây dựng văn học, nghệ thuật của Đảng, truyền tải tới độc giả trong và ngoài tỉnh nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị; giới thiệu về mảnh đất và con người Bắc Giang; phát hiện, bồi dưỡng những tài năng văn nghệ, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Luyện tập, vận dụng

1. Tóm tắt văn bản Khái quát văn học viết Bắc Giang theo một trong các hình thức: sơ đồ tư duy, dàn ý (đề cương sơ lược) hoặc một đoạn văn khoảng (100 từ).

2. Tìm đọc các văn bản văn học viết Bắc Giang (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút, bút kí, ...) bằng cách:

- Sử dụng các công cụ tìm kiếm trên internet để thu thập thêm các tư liệu về văn học viết Bắc Giang.

- Tìm đọc trong các sách ở thư viện hoặc sách của người thân, bạn bè,...

3. Tập sưu tầm các văn bản văn học viết Bắc Giang theo các bước sau:

- Bước 1: Tập hợp và chọn lọc các văn bản là văn học viết của Bắc Giang (theo các cách ở mục 2)

- Bước 2: Sắp xếp, phân loại các văn bản thu thập được theo các tiêu chí khác nhau. Ví dụ: phân loại theo thể loại; phân loại theo thời gian,...

- Bước 3: Chọn cách thức trình bày và lưu giữ các văn bản. Ví dụ: cắt dán vào một quyển sổ; đóng thành từng tệp hồ sơ; chụp ảnh và làm thành file PowerPoint để trình chiếu,...

4. Viết bài giới thiệu về một tác giả hoặc một tác phẩm văn học viết của Bắc Giang mà em yêu thích.

BÀI 2. PHÚ TRUNG ĐẠI BẮC GIANG

Bài học này giúp em:

- Xác định được nội dung bao quát của văn bản phú trung đại Bắc Giang.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng của bài phú trung đại Bắc Giang; phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua văn bản.
- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố hình thức của thể phú qua văn bản.
- Tự hào, trân trọng những sáng tác văn học viết của Bắc Giang.

Khởi động

Trong tác phẩm *Đại cáo bình Ngô*, khi nói về chiến thắng vang dội của quân dân ta và thất bại thảm hại, nhục nhã của quân Minh, Nguyễn Trãi có viết:

*Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chát đầy đường,
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước.*

Đã có những địa danh đầy tự hào của Bắc Giang gắn với chiến công vang dội đó được nhắc trong hai câu trên. Hãy tìm hiểu và chia sẻ hiểu biết của em về địa danh này với thầy cô, bạn bè.



Thành Xương Giang, Thành phố Bắc Giang

I. Văn bản

PHÚ XƯƠNG GIANG

(*Xương Giang phú*)

Lý Tử Tấn

1. Trời đất khéo đặt,
Non sông vốn thiêng;
Nơi đây vũ công lừng lẫy,
Giúp nên đất nước bình yên.
Lạch thiên nhiên của trời Nam sẵn có,
Mở thái bình cho đất Việt khắp miền.
Ấy Xương Giang, một sông hình thẳng,
Mà dẫu thơm muôn thuở còn truyền.
Này xem:
Còn cát rải rác,
Bãi lau rơm rã;
Àm âm sóng vỗ,
Dồn dập nước sa.

Cảnh thanh bình của
Xương Giang.

Không sâu, không nông,

Dễ lội, dễ qua.

Một bó sậy⁽¹⁾ vượt sang, không hiểm như Cù Đường, Diễm Dự;⁽²⁾

Nhiều ngọn roi ném xuống, không lo như Hắc Thủy, Đại Hà.⁽³⁾

2. Thời ấy:

Giặc Minh sang lấn,

Lập trại, đắp thành.

Chiếm giữ đất cát,

Tàn hại sinh linh.

Đức Thái Tổ:⁽⁴⁾

Quân có một toán,

Đất có một thành

Thấy dân cực khổ,

Động mỗi thương tình.

Bèn theo lòng trời,

Bèn họp nghĩa binh.

Những tướng tay chân, tâm phúc,

Thiếu chi Tín, Bó, Lương, Bình.⁽⁵⁾

Quân tới, khắp nơi theo phục,

Nghe tin, các nước hoan nghênh.

Rồi Xương Giang phá trại.

Và Đông Quan⁽⁶⁾ hạ thành,

Hẹn một phen quét sạch,

Cho bốn cõi yên lành.

Nhưng bọn cường đồ,

Lại kéo tràn sang.

(1) *Một bó sậy*: chữ Hán là “nhất vĩ”, Kinh Thi có câu “Thủy vị Hà Quảng, nhất vĩ hàng chi” nghĩa là ai bảo sông Hà rộng, một bó sậy có thể dùng làm bè để vượt qua được. Người sau thường dùng chữ “nhất vĩ” để chỉ một chiếc thuyền nhỏ.

(2) *Cù Đường, Diễm Dự*: Cù Đường là tên một hẻm núi ở giữa sông Trường Giang, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc, hai bên vách đá đứng sừng và ngay cửa hẻm núi lại nổi lên một gò đá, tức gò Diễm Dự. Vì thế chỗ này nước sông xoáy mạnh thuyền bè qua lại rất là nguy hiểm.

(3) *Nhiều ngọn roi ném xuống*: nguyên văn chữ Hán là “đầu tiên” (gieo roi). Bồ Kiên nước Tần khi vào đánh nhà Tần có nói “Dĩ Ngô chúng lữ, đầu tiên ư giang, tức dữ đoạn kỳ lưu”, nghĩa là cứ như số quân của ta, gieo roi ngựa xuống sông, có thể ngăn đôi dòng sông lại được. Ý nói quân số rất nhiều. *Hắc Thủy*: tên một con sông ở châu Lương và châu Ung thời xưa (nay thuộc các tỉnh Tứ Xuyên, Thiểm Tây và Cam Túc - Trung Quốc); *Đại Hà*: tức Hoàng Hà: tức Hoàng Hà, con sông lớn thứ hai ở Trung Quốc

(4) *Đức Thái Tổ*: tức Lê Lợi

(5) *Tín, Bó, Lương, Bình*: Hàn Tín, Anh Bó, Trương Lương, Trần Bình, các danh tướng, mưu thần của Cao Hán tổ.

(6) *Đông Quan*: Hà Nội bây giờ

Xe chạy từng lượt,
Cờ bay từng hàng.
Quân đông như kiến,
Khoe bộ hùng cường.
Lấn, cướp, phá phách,
Đông dờ, ngang tàng.
Chẳng khác gì:
Con ếch giận mà phình bụng, ⁽⁷⁾
Bọ ngựa tức mà giơ càng. ⁽⁸⁾

Hình ảnh giặc Minh xâm lược.

3. Bảy giờ:

Thần xui nên mưu chước,
Trời giúp bậc khoan nhân.
Sắp quân và kén tướng,
Đánh giặc để cứu dân.
Tiếng trống nổi vang, ba quân thật hùng cường bội sức;
Ngọn cờ thẳng tiến, các tướng đều hăng hái liều thân.
Những miền Pha Lũy, Kê Lãng, ⁽⁹⁾ oai hùng đã dậy;
Mấy trận Bình Than, Lộng Nhãn, ⁽¹⁰⁾ thế mạnh khôn ngăn.
Sấm vang, chớp nhoáng,
Ra quĩ, vào thần.
Giặc kia mất vía,
Phải tan tác dần.
Thế rồi:
Bắt Thôi Tụ,
Giết Liễu Thăng,
Lý Khánh nộp mạng,
Hoàng Phúc ⁽¹¹⁾ đầu hàng.
Toán này xô nhau trở giáo,

Khí thế hào hùng của
nghĩa quân Lê Lợi

Chú ý những biện pháp
nghệ thuật miêu tả sự
thất bại của giặc Minh

(7) *Con ếch phình bụng*: nguyên văn là “oa phúc sinh nô”. Câu Tiễn đang đi xe, giữa đường thấy con ếch tức giận phình to bụng. Câu Tiễn cúi đầu tỏ ý kính trọng. Người đánh xe hỏi vì sao. Câu Tiễn nói vì nó có dũng khí

(8) *Bọ ngựa giơ càng*: nguyên văn là “đường tí phân nương”. Sách Trang Tử nói: “Kia như con bọ ngựa tức giận mà giơ càng để chống lại bánh xe, có biết đâu rằng sức không chống nổi”. Ở đây tác giả muốn chỉ tội ác của giặc đã gây cảm phẫn đến mức côn trùng cũng không chịu nổi?

(9) *Pha Lũy, Kê Lãng*: hai cửa ải thuộc tỉnh Lạng Sơn (Pha Lũy là cửa khẩu Hữu Nghị hiện nay)

(10) *Bình Than, Lộng Nhãn*: hai bên sông thuộc tỉnh Hải Hưng (Hưng Yên, Hải Dương ngày nay)

(11) *Thôi Tụ, Liễu Thăng, Lý Khánh, Hoàng Phúc*: các tướng nhà Minh

Toán kia bỏ chạy cùng đoàn.
Xương chát thành núi,
Máu chảy đầy hang.
Bồn cõi mây mờ quét sạch,
Giữa trời ánh sáng huy hoàng.
Kìa trận Hợp Phì ⁽¹²⁾ oanh liệt khi trước,
Trận Xích Bích ⁽¹³⁾ toàn thắng đời xưa, sao được bằng đây vẻ vang.

4. Than ôi !

Có đức, công mới lớn,
Có người, đất mới linh.
Giữ nước không cốt ở hiểm yếu,
Giữ dân không cốt ở hùng binh.
Lòng trời mà đã giúp,
Sức người đâu dám tranh.
VẬY con sông này:
Nếu không gặp Thánh Tổ ⁽¹⁴⁾ sao được gọi là hiểm?
Nếu không nhân chiến thắng sao được truyền mãi danh?
Đó thật là:
Dân mến người đủ đức,
Trời giúp bậc chí thành.

Chú ý các yếu tố góp phần làm nên chiến thắng Xương Giang.

Nay kính đặt mấy câu ca rằng:
*Đức nhà vua thịnh, non sông linh,
Áo nhung một mảnh, võ công thành.
Từ đây khắp cõi đều yên lành,
Kéo dài Ngân hà rửa giáp binh. ⁽¹⁵⁾
Sông này dài như dài áo, muôn thuở thẳng bình.*

Trịnh Đình Ru ⁽¹⁶⁾ dịch

(12) *Hợp Phì*: tên một huyện thuộc tỉnh An Huy, Trung Quốc, nơi sông Hoài hợp với sông Phì. Tạ Huyền đã đánh tan 100 vạn quân Bồ Kiên ở đây.

(13) *Xích Bích*: dãy núi bên bờ sông Dương Tử. Thời Tam quốc, Chu Du dùng kế hoả công của Gia Cát Lượng đốt thuyền đánh tan 82 vạn quân Tào Tháo trên quãng sông này.

(14) *Thánh Tổ*: chỉ Lê Thái Tổ (chữ Thánh Tổ ở đây chỉ có nghĩa là bậc tổ tiên thánh minh chứ không phải là miếu hiệu)

(15) *Giáp binh*: áo giáp và binh khí.. Đỗ Phủ đời Đường có câu thơ: “An đắc tráng sĩ vãn Thiên hà - Tinh tẩy giáp binh trường bất dụng”, nghĩa là ước gì được người tráng sĩ kéo sông Ngân hà xuống, rửa sạch giáp binh mãi mãi không dùng được.

(16) Có sửa lại mấy câu trong bản dịch và có chú thích thêm.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Ghi lại nội dung cơ bản của bài phú theo mẫu sau:

Phần	Nội dung cơ bản
Phần 1	
Phần 2	
Phần 3	
Phần 4	
Cả bài	

2. Phân tích trận chiến Xương Giang được thể hiện trong bài phú theo gợi dẫn sau:

- Tội ác của giặc Minh.
- Vai trò của Lê Lợi.
- Kết quả của chiến thắng.
- Tình cảm, cảm xúc của tác giả.

3. Qua lời bình luận của tác giả, trong các yếu tố: địa thế sông núi, con người, theo em yếu tố nào giữ vai trò quan trọng nhất làm nên chiến thắng Xương Giang?

4. Lời ca kết thúc bài phú của tác giả nhằm khẳng định điều gì?

5. Hãy phân tích vai trò của yếu tố biểu cảm trong bài phú qua các dẫn chứng cụ thể.

6. Bài phú đã khơi gợi trong em những suy nghĩ và cảm xúc gì? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8-10 dòng) ghi lại điều đó.

Em có biết

1. Lý Tử Tấn (1378 - 1457), thường gọi bằng tên tự là Tử Tấn, người làng Triều Đông, xã Tân Minh, huyện Thường Tín, Hà Nội. Ông đậu thái học sinh đời Hồ, đồng khoa với Nguyễn Trãi, sau theo Lê Thái Tổ kháng Minh, được giữ chức Văn các (tức là làm nhiệm vụ thảo công văn, giấy tờ, thư tín). Ông còn tập thơ viết bằng chữ Hán *Chuyết am* truyền ở đời và bài *Phú Xương Giang* nổi tiếng.

2. Xương Giang: tức sông Thương, thuộc tỉnh Bắc Giang. Trên bờ sông này, xưa có thành Xương Giang do giặc Minh đắp (ở vào vùng thành phố Bắc Giang ngày nay). Xương Giang là con đường xung yếu về việc dụng binh. Hồi giặc Minh sang đánh nước ta có đóng quân tại thành này, về sau khi Lê Lợi đánh bại quân Minh, đã kéo tràn ra miền Bắc, bọn tướng Minh ở thành này còn liều chết chống giữ, quân Lê Lợi bao vây sáu tháng không hạ được. Tháng 9 năm Đinh Mùi (1427)

Trần Nguyên Hãn và Lê Sát khoét đường hầm đi xuyên vào thành, phá vỡ được thành, bốn tướng Minh đều chết. Mười ngày sau, viện binh nhà Minh kéo vào biên giới. Lê Lợi cho quân đánh địch từ Chi Lăng đến thành Xương Giang. Trận chiến Chi Lăng - Xương Giang lần này kết thúc ngày 3-11 - 1427 đã tiêu diệt tất cả 10 vạn quân địch, giết và bắt sống Liễu Thăng, Thôi Tụ... cùng hàng trăm võ tướng khác. Chiến thắng Chi Lăng- Xương Giang có ý nghĩa lớn: Quyết định bọn giặc Minh phải đầu hàng, kết thúc cuộc kháng chiến chống Minh của nhân dân ta, giành lại độc lập và hoà bình cho đất nước sau 20 năm bị đô hộ (1407 - 1427). Địa danh Xương Giang đã đi vào lịch sử dân tộc không chỉ bằng chiến thắng lừng lẫy chống quân Minh của quân dân Đại Việt mà còn bằng bài *Phú Xương Giang* nổi tiếng của Lý Tử Tấn. Có thể bài phú được viết ngay sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi.



Hoạt cảnh tái hiện chiến thắng Xương Giang

3. Phú là một thể văn có vần hoặc xen lẫn vần và văn xuôi, dùng để tả cảnh vật, phong tục, kể sự việc, bàn chuyện đời,.. Có hai loại phú: phú cổ thể có trước đời Đường, có vần mà không đối, hoặc như một bài ca thật dài, hoặc như một bài văn xuôi có vần; phú Đường luật được đặt ra từ thời Đường, có vần mà không có đối, theo luật bằng trắc là lối phú thông dụng nhất. Một bài phú thường gồm bốn đoạn: đoạn mở, đoạn giải thích, đoạn bình luận và đoạn kết

Luyện tập, vận dụng:

1. Học thuộc lòng một số câu hoặc đoạn trong bài *Phú Xương Giang* mà em thích.
2. Theo em, bài học lịch sử nào được Lý Tử Tấn nêu lên trong bài *Phú Xương Giang* vẫn còn có ý nghĩa sâu sắc đối với thời đại ngày nay?
3. Phân tích, so sánh lời ca kết thúc bài *Phú Xương Giang* với lời ca kết thúc bài *Phú sông Bạch Đằng* (Bạch Đằng Giang phú) của Trương Hán Siêu:

*Anh minh hai vị thánh quân,
Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh.
Giặc tan muôn thuở thẳng bình,
Bởi đâu đất hiểm cốt mình đức cao.*

4. Hãy thuyết trình về Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Xương Giang bằng hình thức phù hợp: bài viết, bài trình chiếu PowerPoint hoặc video, ...

BÀI 3. THƠ HIỆN ĐẠI BẮC GIANG

Bài học này giúp em:

- Nhận xét được giá trị nội dung và nghệ thuật cơ bản của một số tác phẩm thơ tiêu biểu được tìm hiểu.
- Phân tích và đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của một số yếu tố trong thơ hiện đại Bắc Giang như: cấu tứ, hình ảnh nghệ thuật, vần, nhịp, từ ngữ, biện pháp tu từ, số chữ, dòng thơ...
- Biết giới thiệu một tác phẩm thơ hiện đại Bắc Giang theo lựa chọn cá nhân.
- Yêu quý, trân trọng, tự hào về giá trị của thơ hiện đại Bắc Giang.

Khởi động

Em đã biết đến những câu thơ, bài thơ nào, của ai viết về vùng đất và con người Bắc Giang? Hãy chia sẻ với thầy cô, các bạn những hiểu biết của bản thân về điều đó.



Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng, huyện Yên Dũng

I. Văn bản 1

TIẾNG CHIM TU HÚ

Anh Thơ⁽¹⁷⁾

Kính tặng cha thân thân yêu

Nắng hè hoa gạo đỏ
Nước sông Thương trôi nhanh
Trên bờ đê bước rảo
Gió nam rờn lá cành

Bỗng tiếng chim tu hú
Đưa từ vườn vải xa
Quả bắt đầu chín lự
Ngọt như nỗi nhớ nhà!

Chú ý không gian, thời gian và âm thanh tiếng chim tu hú



Mùa vải chín

(17) Anh Thơ (1921 - 2005) tên khai sinh là Vương Kiều Ân, sinh tại thị trấn Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xuất thân trong một gia đình công chức nhỏ, quê gốc ở thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trong suốt chặng đường sống, làm thơ và hoạt động cách mạng, bà luôn dành tình cảm và có nhiều bài thơ viết về quê hương. Anh Thơ được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (2007). Bài thơ *Tiếng chim tu hú* được viết năm 1954 và in trong tập *Tuyển tập Anh Thơ* (1986).

Cha già thêm tóc bạc
Chống gậy bước lên đồi
Thương một mùa vải đỏ
Má hồng con đang tươi!

Có chàng qua chạ ngõ
Bồng khói lửa ngút trời
Con đi đêm súng nổ
Vải rụng bên sông trôi

Tình huống bất ngờ
nào xảy ra với nhân
vật trữ tình

Rồi tiếng chim tu hú
Vang suốt những mùa hè
Con đi dài thương nhớ
Mười năm chưa về quê!

Chú ý âm thanh tiếng
chim tu hú trong lòng
người đi xa

“Tu hú ơi tu hú!
Kêu hoài chi vườn xanh
Ta còn đi đi nữa
Như dòng sông trôi nhanh”
Nhấn với chim tu hú
- “Cha già vui đợi mong
Mười năm trong khói lửa
Má con dù nhạt hồng
Nhưng bao nhiêu em gái
Đẹp lên mùa vải chín ven sông!”

(Theo *Thơ Bắc Giang thế kỉ XX*,
NXB Hội Nhà văn, 2002, tr.53)

Độc hiểu văn bản

1. Nhân vật trữ tình trong bài thơ *Tiếng chim tu hú* là ai? Vì sao em xác định như vậy?
2. Cảnh sắc vùng quê sông Thương hiện lên như thế nào trong bài thơ? Cảnh sắc đó được gợi tả bằng những từ ngữ, hình ảnh và biện pháp tu từ nào?
3. Tiếng chim tu hú có ý nghĩa như thế nào trong bài thơ? Lời nhắn gửi với chim tu hú giúp em hiểu gì về nhân vật trữ tình?
4. Em thích nhất những câu thơ nào, hình ảnh nào trong bài thơ *Tiếng chim tu hú*? Vì sao?

5. Tưởng tượng người con “đi dài thương nhớ” sau mười năm trong bài thơ đã trở về quê hương vào mùa tiêng chim tu hú kêu. Những cảm xúc, tâm trạng nào đang diễn ra trong tâm hồn của người đó? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) để ghi lại cảm xúc, tâm trạng ấy.

II. Văn bản 2

LÀNG GÓM THỔ HÀ

Vũ Quần Phương ⁽¹⁸⁾

Những mái nhà thôn san sát nhau
Đường làng không có vết chân trâu
Đường làng chỉ thấy phơi chum chĩnh
Ngõ nhỏ nhìn ra hun hút sâu

Ngõ nhỏ hai bên tường cũng sành
Nhà xây bằng tiểu gổ lan canh
Gọi lên một tiếng trong thôn ấy
Ngõ đã đầy bao nhiêu âm thanh

Làng gốm cũ này đang độ lửa
Khói cỏ de thơm khắp cả làng
Thuyền đình khoang nặng đang rời bến
Thanh Nghệ xuôi vào, Tuyên Thái sang
Đây chính chè tươi, liễn muối dưa
Tay ai trau chuốt tợ nghìn xưa
Bây giờ trao lại cho con cháu
Dáng vẫn quen nhìn, men vẫn ưa

Ơi những bình hương lọ cắm hoa
Thủy chung vẫn một sắc nâu già

Chú ý những từ ngữ, hình ảnh, âm thanh gợi không gian làng gốm Thổ Hà.



Bức tường sành đặc trưng của làng gốm Thổ Hà, huyện Việt Yên

Chú ý các sản phẩm của làng gốm Thổ Hà.

(18) Vũ Quần Phương (sinh năm 1940) tên thật là Vũ Ngọc Chúc là nhà thơ, nhà báo và nhà phê bình văn học. Quê cha của ông tại Hải Hậu, Nam Định trong khi ông sinh ra ở quê mẹ Từ Liêm, Hà Nội. Ngoài làm thơ và viết phê bình văn học, ông còn dịch thơ đăng trên các sách, báo và tạp chí văn học. Ông được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.

Đồ ăn thức đưng ưa bền chắc
Chân thật như lòng non nước ta

Hãy đốt lò thêm, chất cỏ lên
Lửa hồng ơi lửa hãy thâu đêm
Đất ta chịu lửa bền hơn sắt
Dáng đẹp bình hoa, tươi sắc men

Nhanh nữa bàn xoay xoay chị ơi
Lòng ta lành vỡ vượt lên rồi
Tay ta nâng dậy bao bùn đất
Mười ngón xòe ra trăm nét vui.

Khổ thơ cuối có gì đặc biệt
về hình ảnh, cảm xúc?

(Theo *Thơ Bắc Giang thế kỉ XX*,
NXB Hội Nhà văn, 2002, tr.341 - 342)

Đọc hiểu văn bản

1. Xác định thể thơ và cảm hứng chủ đạo của bài thơ *Làng gốm Thổ Hà*.
2. Không gian và các sản phẩm của làng gốm Thổ Hà được miêu tả như thế nào? Phân tích các hình ảnh và từ ngữ trong bài thơ để thấy được nét đặc trưng của làng gốm Thổ Hà.
3. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
4. Trình bày cảm nhận của em về nội dung, ý nghĩa của khổ thơ cuối.
5. Tưởng tượng em là du khách đến tham quan làng gốm Thổ Hà. Hãy chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ,... của em khi đó bằng một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng).

Em có biết

Mảnh đất Bắc Giang với thiên nhiên hữu tình, thơ mộng, bao sản vật và những làng nghề truyền thống mang đậm dấu ấn văn hóa Kinh Bắc xưa đã “trở thành niềm thương nỗi nhớ” của mỗi người con Bắc Giang từng sống, gắn bó với mảnh đất này; trở thành “tơ duyên” vương vấn mãi không thôi với những người nghệ sĩ mới lần đầu đến đây. Con sông Thương hiền hòa, thơ mộng mãi đắm sâu trong kí ức mỗi người Bắc Giang xa quê đã trở thành niềm cảm hứng đặc biệt để nữ sĩ Anh Thơ - người con gái Bắc Giang viết *Tiếng chim tu hú*. Bài thơ với bao nỗi niềm sâu sắc, nỗi mong nhớ quê nhà và người cha già đã khiến không ít trái tim bạn đọc xao xuyến. Còn Vũ Quân Phương, dù không sinh ra và lớn lên ở Bắc Giang nhưng lại đặc biệt cảm hứng với vẻ đẹp của gốm Thổ Hà. Bằng ngôn ngữ thơ bình dị, nhà thơ đã phản ánh chân thật nét đẹp thuần Việt, vẻ thuần hậu, chân thành của con người nơi đây với nét đẹp còn mãi với thời gian của làng gốm Thổ Hà.

Luyện tập, vận dụng

1. Suu tầm một số bài thơ hiện đại viết về Bắc Giang hoặc của các nhà thơ Bắc Giang.
2. Viết bài giới thiệu về một tác phẩm thơ hiện đại Bắc Giang mà em yêu thích.
3. Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

CỔNG LÀNG

Bàng Bá Lân ⁽¹⁹⁾

Chiều hôm đón mát cổng làng,
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi
Đồng quê vờn lượn chân trời,
Đường quê quanh quất bao người về thôn.

Sáng hồng lơ lửng mây son,
Mặt trời thức giấc, véo von chim chào.
Cổng làng rộng mở. Ôn ào,
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.

Trưa hè bóng lạng nắng oi,
Mái gà cục cục tìm mỗi đất con
Cổng làng vài chị gái non
Dừng chân uể oải chờ con gió nồm.

Những khi gió lạnh mưa buồn,
Cổng làng im im bên đường lội trơn.
Những khi trăng sáng chập chờn,
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha.

Ngày mùa lúa chín thơm đưa...
Rồi đông gầy chết, xuân chưa vội vàng.
Mừng xuân ngày hội cổng làng
Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ.

Ngày nay dù ở nơi xa,
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng,
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng

(19) Bàng Bá Lân (1912 - 1989), quê ở Bình Lục, Hà Nam nhưng sinh ra và lớn lên tại Bắc Giang. Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu của phong trào Thơ mới (1930 - 1945). Ngoài sáng tác thơ ca, ông còn có nhiều công trình tiểu luận, phê bình, dịch thuật.

Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.

(Theo *Thơ Bắc Giang thế kỉ XX*,
NXB Hội Nhà văn, 2002, tr.32 - 33)

- a. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?
- b. Bức tranh “cổng làng” qua ngòi bút của nhà thơ hiện lên như thế nào? Hãy chỉ ra nét riêng của bức tranh đó.
- c. Hãy liệt kê và phân tích nét đặc sắc của những từ láy trong bài thơ.
- d. Hãy hình dung và miêu tả lại bằng lời hoặc bằng bức tranh tự vẽ về “cổng làng” được thể hiện trong bài thơ.
- e. Vì sao cổng làng luôn hiện hữu trong kí ức của nhân vật trữ tình? Từ đó, hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) nói về tình yêu quê hương luôn gắn với những hình ảnh bình dị, thân quen nhất trong bài thơ.